

PHIẾU TRẢ LỜI TRẮC NGHIỆM

8. Số báo danh

9. Mã đề thi

Giám thị 1:	1. Trường:
Họ tên:	2. Họ tên:
.....	
Chữ ký:	3. Ngày sinh:
Giám thị 2:	4. Lớp:
Họ tên:	5. Môn thi:
.....	6. Ngày thi:
Chữ ký:	7. Chữ ký:

■	☐	☐	☐	☐	☐	☐
0	☐	☐	☐	☐	☐	☐
1	☐	☐	☐	☐	☐	☐
2	☐	☐	☐	☐	☐	☐
3	☐	☐	☐	☐	☐	☐
4	☐	☐	☐	☐	☐	☐
5	☐	☐	☐	☐	☐	☐
6	☐	☐	☐	☐	☐	☐
7	☐	☐	☐	☐	☐	☐
8	☐	☐	☐	☐	☐	☐
9	☐	☐	☐	☐	☐	☐
■						

■	☐	☐	☐	☐
0	☐	☐	☐	☐
1	☐	☐	☐	☐
2	☐	☐	☐	☐
3	☐	☐	☐	☐
4	☐	☐	☐	☐
5	☐	☐	☐	☐
6	☐	☐	☐	☐
7	☐	☐	☐	☐
8	☐	☐	☐	☐
9	☐	☐	☐	☐
■				

Điểm bài thi	Thí sinh lưu ý : - Giữ cho phiếu phẳng, không bôi bẩn, tẩy xóa, nhàu nát, làm rách, ghi đè lên các ô Vuông đen để phần mềm chấm tự động - Phải ghi đầy đủ các mục theo hướng dẫn. - Dùng bút chì (hoặc bút tối màu), tô đậm, tô kín một ô tròn tương ứng với mã Đề thi, Số báo danh và Đáp án đúng cho từng câu trắc nghiệm.
Viết bằng số	
Viết bằng chữ	
Phản trả lời: - Số thứ tự câu trả lời dưới đây ứng với thứ tự câu hỏi trắc nghiệm trong đề thi. - Đối với mỗi câu trắc nghiệm, thí sinh tô đậm, tô kín một ô tròn tương ứng với phương án trả lời đúng.	

■	1	☐	☐	☐	☐	18	☐	☐	☐	☐	35	☐	☐	☐	☐		
	2	☐	☐	☐	☐		19	☐	☐	☐	☐		36	☐	☐	☐	☐
	3	☐	☐	☐	☐		20	☐	☐	☐	☐		37	☐	☐	☐	☐
	4	☐	☐	☐	☐		21	☐	☐	☐	☐		38	☐	☐	☐	☐
	5	☐	☐	☐	☐		22	☐	☐	☐	☐		39	☐	☐	☐	☐
	6	☐	☐	☐	☐		23	☐	☐	☐	☐		40	☐	☐	☐	☐
	7	☐	☐	☐	☐		24	☐	☐	☐	☐		41	☐	☐	☐	☐
	8	☐	☐	☐	☐		25	☐	☐	☐	☐		42	☐	☐	☐	☐
	9	☐	☐	☐	☐		26	☐	☐	☐	☐		43	☐	☐	☐	☐
	10	☐	☐	☐	☐		27	☐	☐	☐	☐		44	☐	☐	☐	☐
	11	☐	☐	☐	☐		28	☐	☐	☐	☐		45	☐	☐	☐	☐
	12	☐	☐	☐	☐		29	☐	☐	☐	☐		46	☐	☐	☐	☐
	13	☐	☐	☐	☐		30	☐	☐	☐	☐		47	☐	☐	☐	☐
	14	☐	☐	☐	☐		31	☐	☐	☐	☐		48	☐	☐	☐	☐
	15	☐	☐	☐	☐		32	☐	☐	☐	☐		49	☐	☐	☐	☐
	16	☐	☐	☐	☐		33	☐	☐	☐	☐		50	☐	☐	☐	☐
	17	☐	☐	☐	☐		34	☐	☐	☐	☐						
■						■						■					